

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **1412/2026/DS-ST**

Ngày: 09-7-2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tuyên.

2. Ông Đặng Văn Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1954/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2585/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH MTV M.

Địa chỉ: P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lee Y H**- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: **Công ty Luật TNHH MTV T**; Địa chỉ: T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC lập ngày 17/4/2025).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Phạm Thành N**, sinh năm: 2000; Địa chỉ: T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1987 (Vắng mặt);

Địa chỉ: C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV M có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày:

Ngày 03/10/2022, Công ty tài chính TNHH một thành viên M (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số: 3715536 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Minh T với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng được giải ngân ngày 04/10/2022 với mức lãi suất 44%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong HĐTD cho ông Nguyễn Minh T, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Minh T. Theo HĐTD, ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 05/11/2022 đến ngày 05/10/2024 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay ông Nguyễn Minh T chỉ mới thanh toán cho Công ty 11 kỳ với tổng số tiền là: 22.475.322 đồng. Trong đó:

- Tổng số tiền gốc đã trả là: 11.261.440 đồng.
- Tổng số tiền lãi, phí đã trả là: 11.213.882 đồng

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu ông Nguyễn Minh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông Nguyễn Minh T biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, ông Nguyễn Minh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng ông Nguyễn Minh T vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty. Nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc ông Nguyễn Minh T thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 10/04/2026 là: 53.787.936 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.718.560 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn: 5.015.618 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 26.933.762 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 1.119.996 đồng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh T phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 11/04/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự cho bị đơn ông Nguyễn Minh T tham gia tố tụng theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

*** Tại phiên tòa:**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có bản tự khai ngày 09/7/2026.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:**

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH MTV M. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2025 Công ty Tài chính TNHH MTV M yêu cầu ông Nguyễn Minh T thanh toán số tiền nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh từ Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng được Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M phê duyệt ngày 03/10/2022. Do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn ông Nguyễn Minh T có nơi cư trú tại: C2/5B Ấp 14, xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào

những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 09/7/2026 là: 57.283.341 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.718.560 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 5.015.618 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 30.305.495 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.243.668 đồng. Ngoài ra, công ty còn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh T phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 10/7/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng được Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M phê duyệt ngày 03/10/2022; Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA ngày 13/6/2024; Phiếu báo nợ được in từ Ngân hàng điện tử của Techcombank; Giấy chứng nhận bảo hiểm ngày 04/10/2022; Công văn số 1059/26/FPTIS Ngày 20/05/2026 của công ty TNHH FPT IS về việc cung cấp thông tin theo Công văn số 2344/TANDKV10 thì giữa Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M và ông Nguyễn Minh T có ký kết hợp đồng vay vốn tổng số tiền vay là 31.980.000 đồng trong đó khoản vay là 30.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 1.980.000 đồng; thời hạn vay: 24 tháng; lãi suất 44%/năm với mục đích mua hàng.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân đến nay thì ông Nguyễn Minh T chỉ mới thanh toán cho Công ty số tiền là 22.475.322 đồng. Trong đó: Tổng số tiền gốc đã trả là: 11.261.440 đồng; Tổng số tiền lãi, phí đã trả là: 11.213.882 đồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*” Căn cứ Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận*”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét thấy: Ông Nguyễn Minh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho công ty đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận được ký kết trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng. Do đó, việc Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M khởi kiện yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả số dư nợ gốc 20.718.560 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi tạm tính đến ngày 09/7/2026 là: 36.564.781 đồng (Trong đó bao gồm: Số tiền lãi trong hạn: 5.015.618 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 30.305.495 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.243.668 đồng) và buộc ông T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Do bị đơn ông Nguyễn Minh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán các khoản lãi tạm tính đến ngày 09/7/2026 là 36.564.781 đồng (Bao gồm số tiền lãi trong hạn: 5.015.618 đồng; số tiền lãi quá hạn: 30.305.495 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.243.668 đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định Điều 8.3 Hợp đồng tín dụng, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Kể từ ngày 10/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét thấy: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M.

3. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Công ty Tài chính TNHH MTV M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho Công ty Tài chính TNHH MTV M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 91, Điều 92, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều 280, Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH MTV M tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 09/07/2026 là: 57.283.341 đồng (Trong đó số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.718.560 đồng; số tiền lãi trong hạn: 5.015.618 đồng; số tiền lãi quá hạn: 30.305.495 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.243.668 đồng).

Kể từ ngày 10/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh T phải chịu 2.864.167 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng).

- Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV M số tiền 680.272 đồng (Sáu trăm tám mươi nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0047140 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên đương sự Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (01);
- VKSND TP.HCM (01);
- VKSND KV10 - TP. HCM (01);
- THADS TP.HCM (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu hồ sơ (04).



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Út